

PHẦN 3: TRAO ĐỔI**ONTOLOGICAL COMMITMENT = CAM KẾT BẢN THỂ: MỘT PHẢN BIỆN ĐẾN QUINE VÀ TRIẾT HỌC PHÂN TÍCH****Nguyễn Hữu Liêm***

Giới thiệu bản dịch Việt Ngữ cuốn *From a Logical Point of View* của Willard Van Orman Quine, Dịch giả Trần đình Thắng. Trần Thị Điều giới thiệu; Nguyễn Hữu Liêm phản biện. (Trust Books, HCM, 2025).

Trong phần giải thích cho bản Việt ngữ của tác phẩm *Từ Góc Nhìn Logic* dịch giả Trần Đình Thắng có lưu ý một khái niệm độc đáo của Quine, Ontological Commitment – Cam kết Bản thể. Ta thử bàn sâu về khái niệm này từ góc độ siêu hình học nhằm đem nó ra khỏi lãnh vực suy luận và phiên giải của trường phái triết học phân tích. Ở đây, ngôn ngữ được sử dụng có mang hơi hướng cường điệu đầy chất liệu mệnh lệnh hiện sinh. Ta hãy cùng bước vào thử xem.

Dẫn thân vào thực tại

Câu hỏi đầu tiên: Làm thế nào để ta thoát khỏi vòng kiểm tỏa của ngôn ngữ? Đó là câu hỏi lớn mà triết học Đông Tây xưa nay vẫn cố gắng trả lời. Đối diện với vấn đề là một tình thế nan giải. Nếu ta cố giải thích nó bằng ngôn ngữ thì chính ta lại càng trói chặt ý chí giải thoát vào cơ trăn ngôn từ. Con rắn không thể nuốt sống chính nó bằng cách nuốt đuôi của mình.

Giải pháp cho Cam kết Bản thể - tôi xin đề nghị - là năng ý dẫn thân vào sự Hữu – Being - bằng cách chấp nhận một tiền đề hữu thể về thực tại. Tức là Ta sẽ chấp nhận một khung quy chiếu cho tổng thể khái niệm – the conceptual scheme - về Ta và thế giới.

Thứ nhất là tiền đề hiển nhiên: Ta tồn tại, thế giới hiện hữu, vũ trụ là sự thật khách quan. Thứ hai, Ta nhìn vào thực tại bằng một sự thừa nhận phiến diện nhưng làm chính đề: Thân xác là ưu tiên, vật chất là cơ bản, ý thức là thuộc tính của cấu trúc sinh hóa; năng lực tinh thần chỉ là niềm hưng phấn từ cảm xúc; Thượng đế được sinh ra bởi ảnh tượng tri thức con người; không và thời gian là thực tại khách quan; sức khỏe bản thân, hạnh phúc gia đình, quyền lợi vật chất là ưu tiên tối thượng. Và cuối cùng, thứ ba, Ta là trung tâm vũ trụ. Tức là Ta là tất cả. Mọi vật chỉ là thuộc tính hay chỉ là một “giá trị biến số” - theo lời Quine – cho năng lực Tự-Ngã vì Ta.

Đó là the Ontological Commitment mà Ta dẫn thân.

Bây giờ hãy nhìn vào một tỉ dụ. Khi Ta cầm búa đóng cây đinh vào cột nhà để móc chiếc nón, ta không loay hoay hỏi xem có phải ta đang nằm mơ, cái đinh là thật, hay phải dùng lực cơ bắp như thế nào. Sự thể của bối cảnh hành động đưa ta đến chuyện phải làm. Ta

* GS. TS, Cao đẳng Thành phố San Jose, Hoa Kỳ

cầm búa đập vào đỉnh đến chiều sâu và góc độ ta muốn. Xong Ta treo nón lên đỉnh, bỏ búa vào hộp dụng cụ, và ngồi xuống ghế sofa mở lon bia lạnh uống một nấc dài.

Đây không phải là một phân tích kiểu Heidegger về bản thể luận. Đây là sự dần thân vào thực tại - như là nó đang-là-như-thể cho Ta.

Kế tiếp, hãy cùng bước vào một tình huống: Ta đang đứng bên bờ suối chảy và thấy một em bé bị nước cuốn. Ta không suy nghĩ, tính toán hơn thiệt, mức độ hiểm nguy, em bé có quan hệ gì với ta. Không! Ta nhảy ngay xuống dòng nước cầm tay em bé kéo ngay vào bờ.

Đó là Ontological Commitment.

Tức là Ta tham dự vào bản thể chiều dọc thẳng đứng – hướng thượng - trên thánh giá cuộc đời. Đây là Vertical Commitment. Ta chỉ là Ta và chỉ có thể là Ta khi Ta dần thân toàn diện cho một ý nghĩa tự thân mà Ta không cần phải được học tập, dạy dỗ, tham khảo.

Khung tham chiếu duy nhất, nếu có, chính là Ta. Tức là Ta chỉ có thể Là khi Ta không còn là Ta – và Ta hiện thực hóa chính Ta theo một sự bùng vỡ nội tại qua hành động trên thế gian rất thật này. Đó là Horizontal Engagement.

Có nghĩa rằng, Ta là trung tâm vũ trụ - chính Ta là tâm điểm quy chiếu duy nhất - ở giây phút khi em bé cần được cứu, chỉ có Ta là có thể làm chuyện đó, và Ta có một chọn lựa rõ ràng là Ta có nhảy xuống hay không. Em bé nạn nhân là một con người, chứ không phải là một con thú, và cứu một nhân mạng khi Ta có thể chính là sứ mệnh tồn hữu ở giây phút sinh tử đó. Khung tham chiếu này vượt qua tất cả cơ đồ khái niệm lý thuyết để cho Ta đánh giá tất cả biến số giá trị bằng hành động.

Bản thể tối thượng

Ở đây, nếu có một khung thức giá trị to lớn nào mà ta có thể nhìn lại để tham chiếu thì đó không phải là một cơ đồ khái niệm, hay là những mệnh đề mang giá trị đúng sai – truth values – mà là bản sắc tự-Ngã mà ta đang có. Ta không đánh giá Ngã thức bằng mệnh đề ngôn ngữ - mà bằng hành động. Tức là Ta hoàn tất cuộc mệnh thể gian bằng sự dần thân theo chiều ngang hữu thể - the Horizontal Engagement – để trả món nợ tồn tại cho chiều thẳng đứng.

Càng dần thân vào thực tại thế gian trong từng giây phút từng hoàn cảnh vốn đòi hỏi ta nhúng tay vào chính là thực hành bản thể tối thượng mà ta có thể có được. Khả thể tính tồn tại cho Ta chỉ có thể được hiện thực hóa không chỉ ở tư duy, cảm tính, thái độ - mà là ở chỗ từ tư duy, trái tim, đến thân xác Ta có đọng vào bụi cát trong cuộc đời trần tục.

Ở đây không có câu trả lời bằng ngôn ngữ - vì ontological commitment không phải là đi tìm giá trị đúng sai cho mệnh đề. Phút chốc khi Ta tung thân nhảy xuống dòng nước chảy vì em bé thì đó là khoảnh khắc đã trở nên vĩnh hằng. Chọn lựa và hành động đó chính là sự trả lời rõ rệt nhất.

Đó là lúc mà cả cơ đồ bản thể luận đầy chữ nghĩa tan loãng vào thân xác và ý chí Ta. Tức là tính hiện thân – the nature of embodiment – của Ta như là một tổng hợp những ẩn số cơ duyên, những giá trị biến số làm người, nay trở nên chiếc cầu nối giữa tính huyền bí của

tồn tại và tính hiện thực ở nơi ý chí dần thân vào cuộc đời. Nói một cách cường điệu thì Ta chỉ có thể sống khi Ta sẵn sàng chết.

Bền đổ triết học phân tích

Khi đọc tác phẩm này, độc giả sẽ tìm ra ưu điểm của triết học phân tích, mà Quine là một nhân tố. Quine sẽ làm Ta tỉnh thức bằng cách cảnh báo qua những phân tích chặt chẽ về những giả định triết học cơ bản của Tây Âu. Quine, tiếp nối Kant, đánh thức Ta về các giáo điều mơ hồ, dogmatic nonsense, đầy tham vọng ngôn từ, những thiết kế và kiến lập chủ thuyết căn cơ – foundationalism – hay là những mô hình thể hiện – representation models – nhằm dàn xếp những khung thức tri kiến – epistemological paradigms – để rồi khi đi vào Ta sẽ bị lạc vào mê hồn trận của trò chơi ngôn ngữ.

Nhưng như Ta biết, cái gì cũng chỉ có thể có chức năng hữu dụng – cho đến một giới hạn cần thiết. Triết học phân tích với một tham vọng làm sáng tỏ ngôn ngữ triết học đã tự nó trở nên một mê hồn trận không lối thoát. Một đằng nó làm mê hoặc kẻ tham dự, đằng kia làm nhàm chán kẻ đi tìm giá trị triết lý. Hãy nhìn vào các khoa triết ở các đại học Mỹ đang dần dần bị đóng cửa vì hầu hết các giáo sư đều đi theo trường phái phân tích và sinh viên không còn hứng thú để tham gia vào cơ đồ chẻ sợi tóc làm tư ở nơi các đề tài học vấn.

Dĩ nhiên, phân tích rất ráo, biện luận chặt chẽ là điều kiện tiên quyết cho triết học – nhưng triết học phải có gì để nói đến. Vấn nạn siêu hình không thể được giải hóa bằng phân tích ngôn ngữ để đi tìm giá trị thực chứng cho mệnh đề.

Nói theo Richard Tarnas thì nếu Ta muốn leo núi đã ngoại thì đừng ngồi đó mà loay hoay cột giày giày mãi. Hãy thật nhanh mang giày vào, bước khỏi cửa, đi ra đường, leo lên đồi, thưởng ngoạn bầu trời cao rộng lớn lao đang chờ Ta. Dấn thân bản thể chính là bước nhảy vọt từ công việc mang giày vào và khoảnh khắc đứng trên đồi hít thở không khí trong lành giữa núi rừng hoang dã hùng vĩ.

Hay nói theo William James thì chân lý chỉ có thể là khi nó trở nên một sự thể, an event, a fact, an action. Hành động chính là chân lý, là sự thật cho một ý tưởng, cho một khái niệm. Không có chân lý hay giá trị đúng sai duy ngôn ngữ. Mệnh đề không phải là chiếc cầu cho sự thật – mà nó chỉ là biểu tượng cho năng lực ý chí hiện sinh. Chỉ có Ta qua năng lực Ngã thức cho Ta chính là mệnh đề chân lý – và nó chỉ có thể đúng khi Ta hành động.

Thế nào là dấn thân bản thể?

Thừa nhận bản thể chính là dấn thân hiện sinh. Ontological Commitment is itself Existential Commitment. Hãy nhìn vào thực tại: Đùng là một kẻ trí thức thụ sinh yếu đuối, đầy tư duy nặng nề thái tưởng tượng, mà không hề có khả năng hiện thực hóa những hoang tưởng của mình vì bản chất bất lực ý chí chiến đấu với đời. Nếu Ta không đối diện và giải hóa qua hành động những thử thách sinh hữu thực tế trong cuộc sống – từ chăm sóc sức khỏe bản thân, từ bỏ thói quen không hữu ích, đến kinh tế cá nhân và gia đình, vai trò xã hội – thì Ta chưa phải là Ta, mà chỉ là sự phủ định toàn triệt – by default - cái gọi là dấn thân bản thể. Đó chính là vấn nạn lao tác phủ định chính Ta – the labor of self-negation.

Ở đây, các triết gia phân tích sẽ lên án rằng viết như vậy chỉ là tung hô những mệnh đề mang tính khẩu hiệu. Vâng, nó có thể là như thế. Tất cả những nỗ lực diễn ngôn triết học đều

bị giới hạn bởi góc độ tiếp cận và bản sắc ngôn từ. Mọi mệnh đề nhân danh chân lý cuối cùng cũng chỉ thể hiện một trình độ bản sắc cho đức tin. Mệnh đề triết học, do đó, nhất thiết cũng chỉ là khẩu hiệu dần thân bản thể.

Ta nên học theo G.E. Moore để tìm lại sự thể common sense – suy nghĩ bình thường - khi bàn về bản thể. Khi Ta đưa bàn tay lên thì Ta biết nó là bàn tay của Ta và Ta tác hành theo chức năng bàn tay – chứ Ta không đặt câu hỏi nhằm nghi ngờ bàn tay có thật hay không. Cũng như thế, triết học cần phải mang tính chất mệnh lệnh hiện sinh nhằm cứu vãn sự thể bất lực ở giới trí thức vốn mang ảo tưởng tự hào về tri kiến có được.

Ta suy diễn thêm. Một trí thức gần gũi đầy hãnh tiến trí thức mà không sản xuất, sáng tác một sản phẩm nào thì đó chính là một trường hợp bất lực ý chí. Ta mang nợ tồn tại với chính Ta, nợ duyên sinh với gia đình và vai trò xã hội. Bản sắc tồn hữu của Ta chỉ có thể được sáng thành qua từng mức độ dần thân theo chiều dọc, tức là bản thể, hay là chiều ngang, tức là đối với tha nhân, xã hội. Cả hai chiều, dọc ngang, đều mang giá trị như nhau, hỗ tương thiết yếu, không thể có chiều này mà thiếu chiều kia, xác định dọc mà phủ định ngang được.

Huyền thoại tiện dụng – a convenient myth

Năm 2007 Paul Davies cho ra đời tác phẩm “The Matter Myth” (Huyền thoại vật chất) làm cho giới trí thức bình dân ngạc nhiên hỏi, ủa tất cả cơ đồ vật chất, vũ trụ, thân thể này là huyền thoại cả ư. Cái bàn này mà ta đang tựa tay vào cũng chỉ giống như là huyền thoại Phật Thích Ca đản sinh bước đi trên bảy tòa sen, hay Chúa Jesus sống lại ba ngày sau khi chết.

Quine - trong cuốn sách mà bạn đang đọc này - cũng đánh giá những hệ thức khái niệm - như toán học chẳng hạn - chỉ là những huyền thoại tiện dụng. Vấn đề là ta phải vướng vào công tác phân tích cho chữ myth. Tất cả đều tùy vào góc độ và tình trạng và ngữ cảnh liên đới. Cái mà Ta cho rằng Ta – tự-Ngã – cũng chỉ là một huyền thoại kiến lập, điều mà nhà Phật và David Hume phân tích đến cùng để cho nó một tình trạng huyền thoại – the myth status.

Từ đó, Ta là một huyền thoại mà Ta tự kiến tạo mà Ta đã chấp nhận như là một ý chí Onto-commitment.

Vì sao? Vì Ta tồn tại là điều hiển nhiên. Ta sống và phải sống cho xứng đáng với vai trò làm người - điều không cần bàn cãi. Nhà Phật cũng thường nói đến “phương tiện thiện xảo” để nói đến cái gì tiện dụng tối ưu tối cần cho từng hoàn cảnh. Đó chính là pháp-phương-tiện. Các cơ đồ tôn giáo xưa nay vẫn chỉ là những phương tiện thiện xảo qua cơ năng huyền thoại tiện ích nhằm giáo hóa con người theo khung mô thức đạo lý thích hợp.

Con đường tôn giáo đòi hỏi một ý chí dần thân bản thể mà cá nhân có thể bước vào tùy theo căn cơ và nghiệp thức. Tại sao Ta không đòi hỏi triết học mang bản sắc mệnh lệnh như thế?

Nói theo Thomas Aquinas thì tồn tại, từ cơ bản cá nhân, là một món quà lớn, một ân huệ - một thể tính vay nợ từ Chân Nguyên - mà khi Ta hy sinh chính Ta cho một mệnh lệnh lớn hơn chính mình thì Ta đã trả được món nợ tồn tại vay mượn đó.

Tức là, thay vì tồn hữu trên bình diện ngôn ngữ và thực tại qua suy diễn hàng ngang - như Quine và giới triết học phân tích vẫn - Ta sẽ hoàn tất cuộc mệnh sử tính ở chính Ta bằng năng ý ủy thân cho thế gian này. Ta là món quà cho nhân loại vì chính Ta là món quà từ cõi huyền diệu khác.

Tính thể huyền nhiệm của Ta chính là ý chí sinh tử thực tại cho cơ sự làm người. Nó là năng ý hoán trả tương đồng – the will to reciprocity – và nó là mệnh lệnh Tự-Ngã cho Ta.

Tấm gương tồn tại – the mirror of being

Jacob Boehme, nhà huyền học Âu châu ở cuối thế kỷ 16, trong tác phẩm “Six Theosophic Points” (Sáu điểm thần triết học) đã chú thêm tiểu đề, “Cánh cửa tất cả những bí ẩn của sự sống khi mà nguyên ủy Tồn tại được khai mở.”

Boehme mở đầu với một tỷ dụ. Thượng Đế soi chính mình vào gương và thấy ảnh tượng (image) của Ngài trong đó. Vấn đề là khi ảnh tượng đó tự nó phát sinh ý chí độc lập và cắt đứt quan hệ với Thượng Đế, vốn là căn nguyên cho sự tồn tại của ảnh tượng. Từ ý chí tự hữu đó, ảnh tượng phát sinh ái dục (desires) vốn được nuôi dưỡng bởi năng lực tưởng tượng. Đó là tội lỗi nguyên thủy, tức là ý chí cá thể độc lập với Chân Nguyên. Từ tội lỗi dẫn đến khổ đau, và bánh xe đời sống - the wheel of life-cycles – quay mãi trong vòng gian truân. Để thoát khỏi vòng sinh tử khổ đau bất tận đó, Boehme phát huy một cơ đồ thần học biểu tượng trong truyền thống Thiên Chúa giáo vốn rất khác biệt với giáo lý chính thống của Giáo hội La Mã thời bấy giờ.

Mặc dù không phát triển tiền đề Tánh Không của Thiên Chúa như nhà Phật đã, Boehme phát triển ý tưởng rằng cái Ta cá thể chỉ là hư ảo, và Ta chỉ thoát khỏi vòng hư ảo của thể tính tồn hữu cá nhân khi Ta nối lại mối liên hệ căn cơ với Thiên Chúa. Đây cũng là nội dung chính mà Soren Kierkegaard học được từ Boehme cho cơ đồ hiện sinh luận sau này.

Theo đó, Boehme cho rằng Lý tính là một phần của năng lực thiên nhiên, của ý chí đi tìm khoái lạc trong lý luận, quanh quẩn trong vòng luân chuyển bất tận của sự sống thân xác, nhưng lại thầm mang ý chí giải thoát khổ đau. Nhưng khi lý tính càng dần thân vào lý luận thì bánh xe cuộc đời càng nhận chìm bản thể cá nhân vào vũng bùn hiện hữu.

Boehme gọi Trí năng - Mind - là một cơ năng huyền bí – the mysterium – vốn chỉ được sử dụng như là trò chơi ý chí cho ngã vọng – egocentric will. Mệnh lệnh tồn tại cao cả và cấp thiết nhất, theo Boehme, thì Ta phải nhận thức ra rằng Ta chỉ là một ảnh tượng, một hình bóng trong gương từ một Trí Năng vĩnh hằng.

Từ tỷ dụ đó, Ta có thể suy ra rằng, triết học phân tích, cũng như khoa học thực nghiệm, là cả một cơ đồ đi tìm căn nguyên tồn tại bằng cách lau chùi hay đập vỡ tấm gương soi để tìm ra hình bóng Ta. Gương sẽ vỡ, và theo đó là ảnh tượng tồn tại của Ta, nhưng Ta là ai, là gì vẫn không thể được khai mở.

Khi triết học và khoa học đặt cơ sở trên hai giả định bản thể, tức là onto-commitments – về căn tính của sự hữu, rằng, cấu trúc vật chất của tấm gương – the materialist commitment - là lối đi dẫn đến sự thật tồn hữu. Vì thế, theo Boehme, giới triết gia hay khoa học gia dù có đưa ra bao nhiêu lý thuyết, bao nhiêu nỗ lực tranh biện, phân tích, thử nghiệm, thì cuối cùng bản sắc tồn tại vẫn chỉ còn là một huyền bí - a magical mysterium.

Chỉ có hy sinh chính ta là con lộ chân lý

Khi đời sống tự chính nó là một nan đề thì Ta phải nhận thức về Nó như là một điều huyền diệu khó khai mở. Làm sao để Ta có thể thoát khỏi cái Ta đầy vọng tưởng? Nếu có một trả lời thì Ta hãy dựa vào tỷ dụ ảnh tượng trong gương của Boehme để thử xem.

Khi Ta là hình bóng từ Chân Thức – the Grounded Self-Consciousness - thì chỉ có một khả thể duy nhất để Ta thoát khỏi số phận số Không của Ta – my fated Nothingness – chính là hành động hy sinh chính mình cho một lý tưởng hướng thượng.

Ta chỉ có thể là Ta – tức là phục hồi nguyên ủy tồn tại cho Ta – khi Ta quyết tử cho thế gian. Thân xác, xương máu, số phận này chính là định mệnh tồn hữu, là phương tiện thiện xảo, cho con lộ sự Thật. Tức là Ta trao mệnh đời vào một trải nghiệm thân xác bằng ý chí tự phủ định - nhằm xác định một cơ năng ủy thân cho Chân lý. Tức là Ta cam kết cho một Bản thể luận tối hậu – the ultimate Onto-Commitment – về chính Ta và cho Ta.

Đây không phải là một cơ đồ khái niệm về sự Hữu – mà là một mệnh lệnh hiện sinh cho ý chí cam kết bản thể mà Ta đã ký kết. Tức là - lập lại mệnh đề hiện sinh - rằng, Ta chỉ Sống khi Ta sẵn sàng Chết.

NHL

California tháng Bảy 2025